

TOÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 64/2019/HS - ST
Ngày: 07 - 6 - 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Văn;

Thẩm phán:

Bà Lê Thị Dung;

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Công Quyền;

Ông Lê Minh Trực;

Ông Nguyễn Trọng Hùng - Giáo viên nghỉ

hưu.

Thư ký phiên tòa: Ông D Xuân Tú - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Ông D Đức Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 83/2018/TLST - HS, ngày 03/12/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST - HS ngày 02/01/2019;

Đối với các bị cáo:

1. Hà Quang L; Giới tính: Nam; Sinh năm 1999; Trú tại: Thôn 2, xã C, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: Lớp 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Họ và tên bố: Hà Quang B, sinh năm 1969;

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1973;

Trú tại: Thôn 2, xã C, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; Có vợ Lê Thị T, SN: 2000, chưa có con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Hiện bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa từ ngày 16/9/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn H; Giới tính: Nam; Sinh năm 1995; Trú tại: Thôn 5, xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Họ và tên bố: Nguyễn Văn C, sinh năm 1960;

Họ và tên mẹ: Lê Thị X, sinh năm 1964;

Trú tại: Thôn 5, xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con út; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Về nhân thân: Năm 2013 bị TAND tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm tuyên phạt 21 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích; Hủy hoại tài sản”; Nguyễn Văn H đã chấp hành xong án phí dân sự và bồi thường đầy đủ cho bị hại theo quyết định của TAND tỉnh Thanh Hóa.

Hiện bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa từ ngày 16/9/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Xuân Q; Giới tính: Nam, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn 8, xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: Lớp 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Họ và tên bố: Phạm Văn S, sinh năm 1958;

Họ và tên mẹ: Đỗ Thị T, sinh năm 1960;

Trú tại: Thôn 8, xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Gia đình có 04 anh, chị em, bị cáo là con út; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Hiện bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa từ ngày 08/9/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Hà Việt A ; Giới tính: Nam; sinh ngày 13/10/2001; Trú tại: Thôn 8, xã S, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Học sinh;

Họ và tên bố: Hà Văn T, sinh năm 1968;

Họ và tên mẹ: Trịnh Thị H, sinh năm 1969;

Trú tại: Thôn 8, xã S, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu. Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Hiện bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa từ ngày 16/9/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện của bị cáo: Bà Trịnh Thị H, (Mẹ) sinh năm 1969, có mặt;

Trú tại: Thôn 8, xã S, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

5. Tổng Văn N; Giới tính: Nam; sinh năm 1999; Trú tại: Thôn M, xã L, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Họ và tên bố: Tổng Văn C, sinh năm 1976;

Họ và tên mẹ: Lê Thị N, sinh năm 1975;

Trú tại: Thôn M, xã L, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con út; Vợ, con: Chưa có; có mặt tại phiên tòa. Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Hiện bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa từ ngày 07/9/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6. Trịnh Tuấn A; Giới tính: Nam; sinh năm 1999. Trú tại: Thôn M, xã L, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do;

Họ và tên bố: Trịnh Văn B, sinh năm 1973;

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1982;

Trú tại: Thôn M, xã L, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con đầu; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: không;

Hiện bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa từ ngày 16/9/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Các bị hại:

1. Anh Trịnh Văn D, sinh ngày 03 tháng 07 năm 1992 (Đã chết);
Trú tại: Thôn 4, xã S, huyện Triệu Sơn, Thanh Hóa.
Người đại diện: Bà Hoàng Thị H1 (Mẹ đẻ) sinh năm 1964, có mặt;
Trú tại: Thôn 4, xã S, huyện Triệu Sơn, Thanh Hóa.
Người được ủy quyền của bà H1: Ông Phạm Xuân C, sinh ngày 02 - 05 - 1985, có mặt;

2. Anh Trịnh Văn Đ sinh năm 1996, có mặt;
Trú tại: Thôn 4, xã S, huyện Triệu Sơn, Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị H1 (Mẹ anh D) sinh năm 1964, có mặt;
Trú tại: Thôn 4, xã S, huyện Triệu Sơn, Thanh Hóa.
2. Bà Trịnh Thị H2(Mẹ bị cáo Hà Việt A) sinh năm 1969, có mặt;
Trú tại: Thôn 8, xã S, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
3. Anh Nguyễn Văn G sinh 11-10 - 1995, vắng mặt;
Trú tại: Xóm 3, xã C, huyện Triệu Sơn, Thanh Hóa.

Người bào chữa cho các bị cáo Hà Quang L, Phạm Xuân Q và Nguyễn Văn H: Các Luật sư Trịnh Thị T, Luật sư Phạm Văn M, Luật sư Hoàng Thị Bích Ái - Công ty Luật TNHH Năm Châu, Đoàn luật sư Thanh Hóa, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hà Việt A : Luật sư Trịnh Văn B - Văn phòng luật sư Hoàng Ngọc, Đoàn luật sư Thanh Hóa, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Hoàng Thu Thủy - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo cáo trạng, nội dung vụ án như sau:

Chiều ngày 06/9/2018, Phạm Xuân Q rủ Nguyễn Văn H, Hà Quang L, Hà Việt A , Trịnh Tuấn A và Tống Văn N đến nhà chơi. Sau khi ăn tối ở nhà Q, tất cả rủ nhau đi chơi rồi hẹn nhau về khu vực phòng trọ của H thuê tại khu phố Lê Lợi, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn để tập trung đi giải quyết mâu thuẫn cá nhân với một người có tên “Lan Gấu”.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, khi H, Q và L đang đứng trước cổng khu nhà trọ, có nhóm người đi xe máy qua gồm các anh: Trịnh Văn D, Trịnh Văn Đ, Ngô Sỹ T, Lê Hữu X và Lê Văn L. Anh D điều khiển xe đánh văng sát lại và nói: “*Bọn mày ở đâu? Thích đánh nhau à*”, rồi rồ ga phóng xe máy đi. H, L và Q bức tức với sự khiêu khích đánh nhau của anh D, chạy vào phòng trọ gọi Tống Văn N, Hà Việt A và Trịnh Tuấn A cầm hung khí để lừa đuổi theo nhóm anh D. Hà Quang L dùng xe máy Dream chở Q ngồi giữa, H ngồi sau đeo túi da bên trong đựng một khẩu súng ngắn (Loại súng hơi ga bắn đạn bi). N điều khiển xe máy chở Việt A cầm một thanh kiếm và Tuấn A cầm một đoạn tuýp sắt, một đoạn gậy gỗ. Khi đuổi kịp, L rồ ga vượt lên phía trước anh D. Thấy vậy, anh D cũng rồ ga tiến lên chèn ép xe L và nói “*Bay thích đánh nhau à*”, rồi tiếp tục ép xe và dùng chân đạp vào xe L. Hai xe ép nhau đến đoạn đường trước khu vực công ty TNHH “RollSport” thuộc địa phận khu phố Bà Triệu, thị trấn Triệu Sơn thì va chạm khiến tất cả những người trên hai xe đều ngã xuống đường. Lúc này Phạm Xuân Q nói: “*Thằng H lấy súng ra bắn chết mẹ hắn đi*”, ngay lập tức H đứng dậy lấy

súng giờ trước mặt anh D và nói: “*Mi có tin tao bắn chết không*”. Bị H dùng súng dọa bắn, anh D lao vào ôm giằng co súng với H từ phía sau. Thấy vậy, Phạm Xuân Q và Hà Quang L cùng lao vào đánh anh D. Q dùng tay phải đâm vào mặt anh D, ôm kéo anh D ra khỏi H. L dùng tay đâm vào đầu anh D, sau đó dùng dao bấm gấp đem theo đâm anh D nhiều nhất vào vùng mông và đùi. Lúc này em trai anh D là anh Đ và nhóm bạn cũng vừa đi xe máy đến thấy anh trai mình bị đánh, anh Đ xuống xe lao vào can ngăn. Tổng Văn N điều khiển xe máy chở Việt A và Tuấn A đến khi anh Đ đang giằng co với L, H và Q. N chủ động dừng xe cho Việt A cầm kiếm, Tuấn A cầm gậy gỗ tròn (còn cây gậy tuýp sắt Tuấn A đưa cho N cầm) lừa đuổi đánh anh Đ. Tuấn A lừa đuổi anh Đ một đoạn không được thì quay lại. Việt A tiếp tục cầm kiếm lừa đuổi chém trúng hai nhất vào người anh Đ, anh Đ chạy được vào nhà dân nhờ giúp, Việt A không đuổi nữa.

Do bị L dùng dao đâm, anh D bị mất máu choáng váng bụng người H và gục ngã ngay tại chỗ. Thấy vậy, H và Q lên xe máy do L điều khiển, còn Tuấn A, Việt A lên xe máy do Nam điều khiển bỏ chạy khỏi hiện trường. Anh Đ và bạn đưa anh D đến Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn, nhưng anh D đã chết. Anh Trịnh Văn Đ sau khi sơ cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn, chuyển đến điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 07/9/2018, Tổng Văn N đã đến Công an huyện Triệu Sơn đầu thú, khai báo về hành vi phạm tội. Ngày 08/9/2018, Phạm Xuân Q đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đầu thú khai báo về hành vi phạm tội. Các bị cáo Hà Quang L, Nguyễn Văn H, Trịnh Tuấn A và Hà Việt A sau khi gây án đã bỏ trốn. Ngày 15/9/2018, Cơ quan CSĐT đã bắt được các đối tượng tại phường Tân An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường vào hồi 21h30' ngày 06/9/2018 xác định:

Hiện trường nơi xảy ra vụ án tại đường liên huyện thuộc địa phận phố Bà Triệu, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đường chạy theo hướng Bắc - Nam, nối đường Tỉnh lộ 514 với đường Quốc lộ 47 và được trải nhựa bằng phẳng, lòng đường rộng 3,5m, hai bên lề đường rộng 3m. Khu vực xảy ra vụ án tại đoạn đường tương ứng với khu đất Công ty TNHH RollSport về phía Đ, phía Tây tương ứng với số nhà 203 và 204 phố Bà Triệu.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường phát hiện:

Vết cà trên mặt đường 52 x 0,5cm, đầu vết cách cây cột điện trước số nhà 203 về phía Đông Nam 11,4m, cách mép đường phía Tây về phía Đông 85cm, cuối vết cách mép đường phía Tây về phía Đông 77cm. Vết có chiều hướng từ Nam ra Bắc (Số 4).

Tại vị trí cách cây cột điện trước số nhà 203 về phía Đông Nam 07m, cách mép đường phía Tây về phía Đông 90cm phát hiện 01 tẩu thuốc lá (Số 3).

Trên mặt đường sát với mép đường phía Tây phát hiện 01 đám chất màu nâu đỏ (nghi máu) 5 x 1,5m, đầu mép cách cây cột điện trước số nhà 203 về phía Đông Nam 7,5m, cuối vết cách cây cột điện trước số nhà 203 về phía Đông Nam 3,5m (Số 2). Tại cuối vết phát hiện 01 đôi dép lê màu xanh. Ngay sát cuối vết phát hiện 01 dấu giày in màu nâu đỏ (nghi máu).

Vết tỳ trợt hình vòng cung in hình vân hoa lớp và chất màu nâu đỏ (nghi máu) trên mặt đường và lề đường phía Đông 15 x 0,04m, đầu vết nằm ở cuối vết số 2, vết chạy phía Nam. Tại vị trí đường của hình vòng cung chỗ xa nhất cách cây cột điện trước số nhà 203 về phía Đông Nam 7,6m, cách mép đường phía Tây về phía Đông 4,4m (Số 5).

Vết tỳ trợt in hình vân hoa lớp và chất màu nâu đỏ (nghi máu) trên mặt đường 11 x 0,04m chạy gần song song với mép đường phía Tây 110cm. Đầu vết nằm ở khoảng giữa vết số 2, vết chạy về phía Nam (Số 6).

Trên lề đường phía Tây cách cây cột điện trước số nhà 203 về phía Nam 3,5m, cách mép đường phía Tây về phía Tây 1,5m phát hiện 01 đám chất màu nâu đỏ (nghi máu), 2 x 1m (Số 1).

Trong quá trình tuần tra tại khu vực trạm bơm thuộc xã S, Công an xã S phát hiện thu giữ 01 (Một) túi bằng da màu đen (loại túi một quai), quai túi làm bằng vải dù màu đen, trên miệng nắp túi có in chìm dòng chữ “Jeep - Buluo”. Bên trong túi có 01 (Một) khẩu súng ngắn màu đen, đã cũ, nòng súng dài 19cm; báng súng dài 11cm; Súng có ký hiệu số: No 871072 có gắn hộp tiếp đạn dài 12,5cm, rộng 3,5cm, bên trong hộp tiếp đạn có 04 viên bi bằng kim loại màu trắng sáng.

Ngày 06/11/2018, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa tiến hành nhận dạng qua ảnh đối với khẩu súng. Bị cáo Nguyễn Văn H nhận dạng khẩu súng có đặc điểm nêu trên chính là khẩu súng mà H đã dùng để đe dọa anh D vào tối ngày 06/9/2018 khi xảy ra vụ án.

Theo Kết quả giám định số 2184/PC09 ngày 24/10/2018 của Phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Khẩu súng thu được là súng nén bắn đạn bi, thuộc danh mục đồ chơi nguy hiểm, không phải là vũ khí quân dụng, không có tính năng tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng.

Tại biên bản khám nghiệm tử thi nạn nhân Trịnh Văn D vào hồi 22h 50' ngày 06/9/2018, thể hiện:

Dấu vết tổn thương trên cơ thể: Vết rách da dạng hình bầu dục 02 x 0,5cm tại mặt trong 1/3 trên đùi trái, vết có chiều từ sau về trước, từ dưới lên trên, bờ mép vết sắc gọn, vết cao cách gót chân 67cm.

Mổ tử thi: Rạch da mở rộng vết thương vùng đùi trái: Tổ chức dưới da, cơ quanh rãnh thương tụ ngấm máu. Tụ máu tổ chức quanh động mạch đùi trái. Rãnh thương xuyên đứt nhóm cơ vùng đùi trái tương ứng, xuyên rách động mạch đùi trái tương ứng 02 x 0,4cm.

Giám định pháp y tử thi số 1850/GĐPY-PC09 ngày 12/9/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận nguyên nhân chết của Trịnh Văn D: “Sốc mất máu do rách động mạch đùi trái”.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể Trịnh Văn Đ, thể hiện:

- 01 (Một) vết rách da tại vùng bụng trái, 2,5 x 0,3cm;

- 01 (Một) vết rách da tại vùng cằm đầu bên trái, 5,5 x 0,3cm.

Giám định pháp y về thương tích số 581/2018/TTPY ngày 12/9/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Tỷ lệ phần trăm thương tích đối với các vết thương của Trịnh Văn Đ là 10% (Mười phần trăm).

Người đại diện của anh D là bà Hoàng Thị H2 báo cáo, yêu cầu các bị cáo bồi thường các khoản gồm:

Chi phí mai táng cho anh Trịnh Văn D là: 42.500.000 đồng;

Bồi thường tổn thất tinh thần = 100 tháng lương tối thiểu = 139.000.000 đồng;

Tiền cấp dưỡng một lần = 50.000.000 đồng;

Chi phí ăn uống = 20.000.000 đồng;

Tổng cộng = 251.000.500 đồng.

Anh Đ báo cáo, yêu cầu các bị cáo bồi thường các khoản gồm:

Chi phí điều trị là: 11.221.000 đồng;

Chi phí ăn sinh hoạt tại bệnh viện: 3.000.000 đồng;

Tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị 22 ngày x 400.000 đồng/ngày = 8.800.000 đồng;

Tiền mất thu nhập người chăm sóc với thời gian như trên = 2.400.000 đồng;

Bồi dưỡng sức khỏe sau điều trị = 10.000.000 đồng;

Bồi thường tổn thất tinh thần do sức khỏe bị xâm hại = 15 tháng lương tối thiểu = 20.850.000 đồng;

Tổng cộng = 56.271.000 đồng.

Gia đình các bị cáo đã bồi thường cho bị hại anh D tổng số tiền là 44.000.000 đồng, trong đó: Gia đình Hà Quang L và Nguyễn Văn H mỗi gia đình bồi thường 15.000.000đ, gia đình Phạm Xuân Q bồi thường 14.000.000 đồng.

Gia đình bị cáo Hà Việt A đã tự nộp cho Cơ quan CSĐT số tiền là 7.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại Trịnh Văn Đ, nhưng bị hại không nhận, đã chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa chờ xử lý.

Gia đình Tống Văn N bồi thường cho anh Đ 20.000.000 đồng.

Vật chứng của vụ án gồm có:

- 01 đôi dép màu xanh; 01 (một) mẫu đầu lọc tàn thuốc lá;

- 01 khẩu súng ngắn màu đen, đã cũ, nòng súng dài 19cm; báng súng dài 11cm; Súng có ký hiệu số: No 871072 có gắn hộp tiếp đạn dài 12,5cm, rộng 3,5cm, bên trong hộp tiếp đạn có 04 viên bi bằng kim loại màu trắng sáng;

- 01 túi bằng da màu đen (loại túi một quai), quai túi làm bằng vải dù màu đen, trên miệng nắp túi có in chìm dòng chữ “Jeep - Buluo”

- 01 đôi giày vải màu đen;

- 01 xe máy Honda Dream, BKS: 36H2 – 5104;

- 01 quần Soóc (dạng quần bò) màu xanh;

- 01 xe máy Honda Wave RSX màu đỏ đen, BKS: 54X3 - 4499;

- 01 giá để chân phía sau bên trái của xe máy Honda Dream, BKS: 36H2 – 5104;

- 01 điện thoại Nokia số IMEI 354569052459050, lắp 01 sim Vinaphone số 0944.609.361 số seri sim 898402000010749034757;

- 01 điện thoại Nokia – 105 màu xanh D số IMEI 3534407097611735 và 358567088033739, lắp 01 sim Vinaphone số 0947.019.327;

- 01 điện thoại Iphone 5S màu trắng, số IMEI 358808052908070;

- 01 đoạn gậy gỗ hình trụ tròn dài 77,5cm; đường kính của khúc gỗ, một đầu là 4cm và một đầu là 3cm;

- (01) con dao tự chế, có cán cầm bằng ống tuýp sắt dài 13cm, dao có 02 lưỡi sắc, chỗ rộng nhất của lưỡi dao là 5cm;

- (01) con dao tự chế, có cán cầm bằng gỗ dài 21 cm, chỗ rộng nhất của lưỡi dao là 7cm;

- (01) con dao tự chế, có cán cầm bằng gỗ dài 12 cm, chỗ rộng nhất của lưỡi dao là 5cm, bề mặt dao bị rỉ sét;

- 01 (một) kiếm tự chế, cán được quấn bằng dính màu đen, chiều dài cán 30cm, lưỡi kiếm có một lưỡi sắc, chỗ rộng nhất của lưỡi kiếm là 4cm.

Các vật chứng, đồ vật trên được chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa chờ xử lý.

Tại phiên tòa, Phạm Xuân Q, Nguyễn Văn H và Hà Quang L kêu oan ở giai đoạn điều tra do bị đánh, ép cung phải khai không đúng sự thật về các nội dung: Gọi nhau đuổi theo nhóm anh D, Q hô H lấy súng ra, H chĩa súng dọa bắn và tấn công bị hại trước. Các bị cáo thay đổi khai lại các nội dung này là: Trên đường đi bị nhóm anh D khiêu khích, ép xe, đập ngã và chủ động đánh các bị cáo trước, ôm giữ H, nên Q và L mới đánh anh D, rồi L dùng dao đâm anh D; Q không hô H lấy súng ra bắn, H không chĩa súng dọa bắn anh D.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Hà Quang L, Nguyễn Văn H và Phạm Xuân Q về tội “ Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS; Hà Việt A và Tống Văn Nam về tội “ Cố ý gây thương tích” theo điểm a và i khoản 1 Điều 134 BLHS; Trịnh Tuấn A về tội “Gây rối trật tự công” theo điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS. Do tại phiên tòa các bị cáo quanh co chối tội nên không áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo theo qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Đề nghị áp dụng chung điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 38, các điểm b khoản 1 Điều 51, Điều 58 BLHS đối với các bị cáo Hà Quang L, Nguyễn Văn H và Phạm Xuân Q; Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với Phạm Xuân Q; xử phạt Hà Quang L từ 18 đến 19 năm tù, Nguyễn Văn H từ 15 đến 16 năm tù, Phạm Xuân Q từ 15 đến 16 năm tù.

Đề nghị áp dụng chung điểm a và i khoản 1 Điều 134, Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 51, Điều 58 BLHS đối với Hà Việt A và Tống Văn N; Áp dụng thêm Điều 90, khoản 1 Điều 101BLHS đối với Hà Việt A ; Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với Tống Văn N; Xử phạt Hà Việt A từ 18 đến 24 tháng tù, Tống Văn Nam từ 18 đến 24 tháng tù.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 38 BLHS xử phạt Trịnh Tuấn A từ 24 đến 30 tháng tù.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Hà Quang L, Nguyễn Văn H và Phạm Xuân Q có ý kiến: Nguyên nhân vụ việc là do anh D khiêu khích trước làm cho các bị cáo bị kích động dẫn đến đánh nhau. Các bị cáo không có sự bàn bạc trước, bị cáo L không có ý định tước đoạt tính mạng nên chỉ đâm vào vùng không nguy hiểm của bị hại, hậu quả anh D bị chết là ngoài ý muốn, do đó truy tố bị cáo L về tội giết người là không đúng tội danh; Đề trả hồ sơ điều tra bổ sung theo hướng áp dụng Án lệ số 01/2016/AL công bố theo Quyết định số 220/QĐ - CA ngày

06/4/2016 của Chánh án TANDTC đề truy tố, xét xử bị cáo L về tội “Cố ý gây thương tích” thuộc trường hợp dẫn đến chết người theo qui định khoản 4 Điều 134 BLHS. Bị cáo Q và H không biết trước hành vi của bị cáo L, nên không phải là đồng phạm chịu trách nhiệm về hậu quả do L gây ra. Bị cáo Q đã đầu thú, bị cáo H có bố là thương binh; Các bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tích cực động viên gia đình bồi thường cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết này để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hà Việt A có ý kiến: Bị cáo Hà Việt A cũng có các tình tiết giảm nhẹ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, gia đình tích cực bồi thường cho bị hại, nhưng bị cáo Việt A có tình tiết riêng là vị thành niên khi phạm tội, suy nghĩ chưa chín chắn. Bị cáo Việt A có mẹ là bà Trịnh Thị H được Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn trao tặng kỷ niệm chương. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng qui định về xử lý người chưa thành niên phạm tội và các tình tiết nêu trên để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền lợi cho bị hại: Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính côn đồ, đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác. Đề nghị áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời buộc các bị cáo bồi thường thỏa đáng cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố các quyết định tố tụng và hành vi tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra, của Điều tra viên, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Xuân Q, Nguyễn Văn H và Hà Quang L khiếu nại do bị Điều tra viên đánh và ép cung. Xem xét thủ tục tố tụng của vụ án thể hiện Cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai của Phạm Xuân Q, Nguyễn Văn H và Hà Quang L là khách quan, đúng qui định, các buổi lấy lời khai của các bị cáo đều có luật sư tham gia. Riêng Nguyễn Văn H không biết chữ nên việc lấy lời khai còn được ghi âm, ghi hình lưu trữ trong hồ sơ. Trong giai đoạn điều tra, truy tố các bị cáo không có khiếu nại về việc điều tra. Điều tra viên có mặt tại phiên tòa khẳng định không có việc đánh, ép cung bị can trong quá trình điều tra. Do đó, khiếu nại của các bị cáo bị đánh, ép cung là không có cơ sở.

[2]. Xem xét lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra thấy rằng: Q khai thừa nhận gọi N đuổi theo nhóm anh D, đánh anh D “Cho bõ tức”, nghe và thấy H giơ súng dọa bắn (BL 220, 226, 227); Nguyễn Văn H khai L điều khiển xe chở Q và H đuổi theo nhóm anh D, chèn xe nhau ngã, Q hô “Thằng H lấy súng ra bắn chết mẹ hắn đi”, H lấy súng ra giơ trước mặt anh D dọa “Mi có tin tao bắn chết không” (BL 457, 458, 465, 466, 4667); L khai Q bảo đuổi theo nhóm anh D, hô H rút súng ra, L đánh và dùng dao đâm anh D nhiều nhát vào vùng mông và đùi, không biết trúng mấy nhát (BL 489); Tống Văn Nam, Hà Việt A và Trịnh Tuấn A đều khai nghe Q, H và L bảo “Cầm đồ đi theo”. Lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra thể hiện sự khách quan và phù hợp, nếu không phải là người trực tiếp nghe, biết hoặc thực hiện thì khó có thể nghĩ ra các nội dung này để khai. Do

đó, mặc dù tại phiên tòa các bị cáo có sự thay đổi lời khai, nhưng với nội dung các bị cáo đã thừa nhận cùng với lời khai của bị hại, nhân chứng và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ có đủ cơ sở kết luận về nguyên nhân và diễn biến sự việc như cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Do bức tức vì sự khiêu khích của nhóm anh D, Phạm Xuân Q, Nguyễn Văn H, Hà Quang L, Tống Văn N, Hà Việt A và Trịnh Tuấn A đã dùng xe mô tô đuổi theo, hai bên chen ép nhau bị ngã, các bị cáo tấn công gây thiệt hại cho tính mạng, sức khỏe của người khác và ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội.

[3]. Đối với hành vi của Hà Quang L, Nguyễn Văn H và Phạm Xuân Q:

- Hà Quang L đã thừa nhận hành vi dùng dao đâm anh D nhiều nhất vào vùng mông và đùi. Theo biên bản khám nghiệm tử thi (BL 40, 41), anh D có nhiều vết thương trên cơ thể, trong đó vết thương nặng nhất đứt nhóm cơ vùng đùi trái, xuyên rách động mạch. Theo kết quả giám định pháp y tử thi đã kết luận nguyên nhân chết của Trịnh Văn D: “*Sốc mất máu do rách động mạch đùi trái*” (BL 42, 43). Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của Hà Quang L dùng dao đâm là nguyên gây nên vết thương trầm trọng và dẫn đến hậu quả anh D bị chết. Các bị cáo không có sự bàn bạc trước, nhưng cùng đi một xe, có sự phối hợp về lời nói và hành động hỗ trợ nhau liên tục trong thời gian rất ngắn đã thể hiện sự thống nhất về ý trí cùng tấn công bị hại. Hành vi của các bị cáo có sự liên quan với nhau, Q là người hô H lấy súng ra bắn, H lấy súng ra dọa bắn thì bị anh D ôm giữ, sau đó Q và L đánh anh D, rồi L dùng dao đâm anh D để hỗ trợ cho H. Anh D không biết súng thật hay giả phải ngăn chặn bằng cách ôm từ phía sau và giữ tay H ở phía trước để khỏi bị bắn, dù bị Q và L đánh, đâm cũng không buông ra để chống đỡ. Các bị cáo cho rằng chỉ dùng súng để dọa “bắn”, vì súng sử dụng là đồ chơi nguy hiểm, không có ý định tước đoạt tính mạng của bị hại nên không phạm tội giết người. Nhưng Hà Quang L nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm, thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể gây thiệt cho tính mạng của bị hại, tuy không mong muốn nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra. Hà Quang L có hành vi đâm bừa và ẩu nhiều nhất vào vùng mông và đùi bị hại, động tác đâm từ dưới lên vào mặt trong 1/3 trên đùi trái làm rách động mạch là rất nguy hiểm, đến khi thấy anh D gục ngã mới dừng tấn công, làm bị hại chết ngay sau đó. Trong khi các bị cáo đang cùng nhau đe dọa, tấn công bị hại, L có hành vi đâm anh D chết, thì Q và H cũng là đồng phạm chịu trách nhiệm về hậu quả do L gây ra. Hành vi đó của Hà Quang L, Phạm Xuân Q và Nguyễn Văn H đã phạm tội “Giết người” thuộc trường hợp “Có tính chất côn đồ” theo qui định tại điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS năm 2015.

- Về ý kiến của Luật sư bào chữa và các bị cáo Hà Quang L, Phạm Xuân Q và Nguyễn Văn H: Qua xem xét thấy rằng trong Án lệ số 01/2016/AL đã có đủ căn cứ kết luận về ý thức chủ quan các bị cáo chỉ có ý định gây thương tích cho bị hại, không muốn tước đoạt tính mạng, vì bị cáo chủ mưu yêu cầu chỉ gây thương tích, bị cáo thực hiện đã hành động theo đúng yêu cầu và dừng lại, không thấy trước được hậu quả xảy ra. Đối với vụ án này, tuy các bị cáo không có ý định tước đoạt tính mạng của bị hại, nhưng cũng không có căn cứ kết luận về ý thức chủ quan Hà Quang L chỉ muốn gây thương tích cho bị hại, vì chính L thừa nhận đánh anh D cho bõ tức, chỉ nhớ đâm bị hại nhiều nhất, không biết trúng mấy

nhất. Về mặt khách quan, hành vi của bị cáo L là đậm nhiều nhất, có nhất trúng vào nơi dễ gây nguy hiểm cho bị hại. Như vậy, sự kiện pháp lý, tình tiết về ý thức chủ quan và tình tiết hành vi khách quan của Án lệ với vụ án này không phải là trường hợp tương tự. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng không có căn cứ để áp dụng tương tự Án lệ số 01/2016/AL công bố theo Quyết định số 220/QĐ - CA ngày 06/4/2016 của Chánh án TANDTC cho các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” thuộc trường hợp dẫn đến chết người theo qui định khoản 4 Điều 134 BLHS. Về vai trò đồng phạm của các bị cáo, như đã phân tích ở trên thì trong trường hợp này buộc Phạm Xuân Q và Nguyễn Văn H phải cùng chịu trách nhiệm về hậu quả do hành vi của Hà Quang L gây nên là có căn cứ, đúng qui định.

- Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo Hà Quang L, Phạm Xuân Q và Nguyễn Văn H: Đây là trường hợp đồng phạm đơn giản, nhưng các bị cáo có tính cách nông cuồng, thường tụ tập với nhau, luôn mang theo hung khí, chỉ vì một chuyện nhỏ đã lập tức đuổi đánh nhau, bất chấp trật tự kỷ cương xã hội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất liều lĩnh, hung tợn gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng chết người. Vì vậy, cần xử lý nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời để có tác dụng răn đe phòng ngừa chung.

- Xét vai trò của các bị cáo:

Hà Quang L là người dùng dao đâm gây nên cái chết của anh D, nên L giữ vai trò chính.

Phạm Xuân Q khởi xướng gọi các bị cáo đuổi theo nhóm anh D, hô H rút súng ra, cùng đánh nạn nhân, nên Q có vai trò thứ hai.

Nguyễn Văn H dùng súng đe dọa làm cho anh D phải tập trung ngăn chặn, không đôi phó được với các bị cáo khác, nên H có vai trò thứ hai ngang với Q.

- Xét các tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, bị cáo Q đã đầu thú, bị cáo H có bố là thương binh (BL 453); Các bị cáo Q, L và H đã động viên gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại. Các tình tiết giảm nhẹ Luật sư đề nghị xem xét cho bị cáo cũng phù hợp với các tình tiết đã nêu. Do đó, các bị cáo L, Q và H được áp dụng qui định về giảm nhẹ với các tình tiết nêu trên.

[4]. Đối với hành vi của Tống Văn N và Hà Việt A :

- Được Nam dùng xe đưa đến, Việt A dùng kiếm đuổi chém anh Trịnh Văn Đ bị thương. Theo biên bản xem xét dấu vết trên thân thể Trịnh Văn Đ (BL 299), giám định pháp y về thương tích kết luận: Tỷ lệ phần trăm thương tích đối với các vết thương của Trịnh Văn Đ là 10% (Mười phần trăm) (BL: 303). Do đó, có cơ sở kết luận hành vi của Hà Việt A đã gây nên tổn hại cơ thể cho anh Đ. Tống Văn Nam hỗ trợ giúp sức chở Việt A đến, chờ và đưa Việt A rời khỏi hiện trường. Do đó, Nam là đồng phạm cùng với Việt A về hành vi gây thương tích cho anh Đ. Tuy tỉ lệ tổn hại cơ thể của anh Đ là 10%, nhưng các bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm nên phạm tội “Cố ý gây thương tích” thuộc trường hợp “Dùng hung khí nguy hiểm” và “Có tính chất côn đồ “ theo qui định tại điểm a và i khoản 1 Điều 134 BLHS năm 2015.

- Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của Hà Việt A và Tống Văn N là liều lĩnh, hung hăng dùng hung khí xâm phạm sức khỏe của người khác, ảnh hưởng

đến trật tự an toàn xã hội, cần phải xử lý nghiêm minh để cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời đề rắn đe phòng ngừa chung.

- Xét vai trò của các bị cáo:

Hà Việt A tích cực thực hiện hành vi gây thương tích cho anh Đ, nên Việt A giữ vai trò chính.

Tổng Văn Nam đã hỗ trợ giúp sức đưa Việt A đến và bỏ trốn, nên Nam có vai trò thứ hai.

- Xét tình tiết giảm nhẹ: Hà Việt A khi phạm tội đang là vị thành niên 16 tuổi 11 tháng 24 ngày, Tổng Văn N đã đến Cơ quan điều tra xin đầu thú, bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt; Các bị cáo Việt A và N đã tỏ ra ăn năn hối cải, động viên gia đình tích cực bồi thường cho bị hại. Ý kiến của Luật sư đề nghị áp dụng qui định và tình tiết giảm nhẹ cho Hà Việt A cũng phù hợp với các tình tiết đã nêu. Do đó, bị cáo Việt A và bị cáo N được áp dụng qui định về giảm nhẹ với các tình tiết nêu trên; Riêng bị cáo Việt A được áp dụng qui định đối với người chưa thành niên phạm tội để xử lý.

[5]. Đối với hành vi của Trịnh Tuấn A:

- Trịnh Tuấn A đã tham gia cùng với Nguyễn Văn H, Hà Văn L, Phạm Xuân Q, Hà Việt A mang hung khí đuổi theo đánh nhóm anh D. Tuấn A cũng cầm gậy lửa đuổi đánh anh Đ nhưng không được. Quá trình đuổi nhau trên đường các đối tượng đi nhiều xe máy với tốc độ cao, rồ ga, ép xe, thách thức nhau trên một đoạn đường dài. Khi va chạm ngã xe và xảy ra xô xát đánh nhau trong khu dân cư, gần đơn vị Quân đội, Doanh nghiệp sản xuất. Sau khi sự việc xảy ra, người dân tập trung rất Đ, giao thông tại nơi xảy ra vụ việc ùn tắc nhiều giờ. Hành vi của Trịnh Tuấn A đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, phạm vào tội “Gây rối trật tự công cộng” thuộc trường hợp “Dùng hung khí” theo qui định tại điểm b Khoản 2 Điều 318 BLHS năm 2015.

- Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của Trịnh Tuấn A là liều lĩnh bất chấp qui định của pháp luật, trật tự kỷ cương xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý lo ngại cho nhân dân. Vì vậy, cần xử lý nghiêm minh để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo cũng như đề rắn đe phòng ngừa chung.

- Xét tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Tuấn A đã tỏ ra ăn năn hối cải, được xem xét để giảm nhẹ theo qui định.

[6]. Quyết định truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát về xử lý là đúng qui định pháp luật, đúng người, đúng tội, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, được chấp nhận để xem xét và quyết định.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với yêu cầu của bà H2 về khoản chi phí ăn uống 20.000.000 đồng là không đúng qui định, không được chấp nhận.

- Đối với yêu cầu của anh Đ về bồi thường khoản tiền mất thu nhập của người chăm sóc trong thời gian nằm viện không là không có cơ sở, vì anh Đ không nằm viện, chỉ khám bệnh rồi về nhà điều trị, nên không được chấp nhận.

- Đối với đề nghị của anh Đ về bồi thường khoản tiền tổn thất tinh thần tương đương 15 tháng lương là cao so với tổn hại cơ thể, nên chỉ chấp nhận ở mức tương đương 5 tháng lương là phù hợp.

- Các yêu cầu khác của bà H2 và anh Đ là đúng qui định, phù hợp được chấp nhận buộc các bị cáo phải bồi thường.

- Số tiền gia đình các bị cáo đã giao nộp trước sẽ được trừ vào các khoản bị cáo phải bồi bồi thường cho bị hại.

- Bị cáo Hà Việt A chưa đủ tuổi thành niên, không có tài sản riêng, nên bà Trịnh Thị H (Mẹ đẻ) phải có trách nhiệm bồi thường thay bị cáo Việt A .

[8]. Về tang vật: Công cụ, phương tiện phạm tội của các bị cáo có giá trị sử dụng sẽ bị tịch thu sung quỹ Nhà nước, tài sản thuộc sở hữu của bị cáo sẽ tiếp tục qui trừ để đảm bảo thi hành án, các tang vật chứng không còn giá trị hoặc thuộc loại cấm tàng trữ, lưu hành sẽ bị tịch thu tiêu hủy; Tài sản không liên quan đến tội phạm được trả lại cho chủ sở hữu.

[9]. Các bị cáo phải chi án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự theo qui định. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

Các bị cáo Hà Quang L, Phạm Xuân Q và Nguyễn Văn H phạm tội “Giết người”.

Các bị cáo Hà Việt A và Tống Văn N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo Trịnh Tuấn A phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 38, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 BLHS năm 2015;

Xử phạt bị cáo Hà Quang L 17 (Mười bảy) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ khi tạm giữ ngày 16/9/2018.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 38, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 BLHS năm 2015;

Xử phạt Phạm Xuân Q 13 (Mười ba) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ khi tạm giữ ngày 08/9/2018.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 38, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 BLHS năm 2015;

Xử phạt Nguyễn Văn H 13 (Mười ba) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ khi tạm giữ ngày 16/9/2018.

Áp dụng điểm a và i khoản 1 Điều 134, Điều 38, điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 90, khoản 1, 3, 4, 6 Điều 91, khoản 1 Điều 101 BLHS Năm 2015;

Xử phạt Hà Việt A 15 (Mười lăm) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ khi tạm giữ ngày 16/9/2018.

Áp dụng điểm a và i khoản 1 Điều 134, Điều 38, điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 BLHS năm 2015;

Xử phạt Tống Văn N 18 (Mười tám) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ khi tạm giữ ngày 07/9/2018.

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 318, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015;

Xử phạt Trịnh Tuấn A 24 (Hai bốn) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ khi tạm giữ ngày 16/9/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm khoản 1 và khoản 2 Điều 48 BLHS, Điều 357; Điều 590, Điều 591 BLDS năm 2015;

Buộc các bị cáo Hà Quang L, Phạm Xuân Q và Nguyễn Văn H phải liên đới bồi thường cho bà H Thị Hạnh các khoản sau:

- Chi phí mai táng anh Trịnh Văn D 42.500.000 (Bốn hai triệu năm trăm nghìn) đồng;

- Bồi thường tổn thất tinh thần tương đương 100 tháng lương tối thiểu = 139.000.000 (Một trăm ba chín triệu) đồng;

- Cấp dưỡng một lần= 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng;

Tổng cộng = 231.500.000 (Hai trăm ba một triệu năm trăm nghìn) đồng;

Chia phần:

- Bị cáo L bồi thường 115.750.000 (Một trăm mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, trừ số tiền đã giao trước 15.000.000 triệu đồng, còn phải bồi thường tiếp 100.750.000 (Một trăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Bị cáo Nguyễn Văn H bồi thường 57.875 (Năm bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, trừ số tiền đã giao trước 15.000.000 triệu đồng, còn phải bồi thường tiếp 42.875.000 đồng (Bốn hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

- Bị cáo Phạm Xuân Q bồi thường 57.875 (Năm bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, trừ số tiền đã giao trước 14.000.000, còn phải bồi thường tiếp 43.875.000 đồng (Bốn ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Buộc các bị cáo Hà Việt A và Tống Văn N liên đới bồi thường cho anh Trịnh Văn Đ các khoản sau:

- Chi phí điều trị 11.221.000 (Mười một triệu hai trăm hai mươi nghìn) đồng;

- Chi phí ăn ở tại bệnh viện 3.000.000 (Ba triệu) đồng;

- Mất thu nhập trong thời gian điều trị 8.800.000 (Tám triệu tám trăm nghìn) đồng;

- Tiền bồi dưỡng sức khỏe 10.000.000 (Mười triệu) đồng;

- Bồi thường tổn thất tinh thần tương đương 5 tháng lương tối thiểu = 6.950.000 (Sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng;

Tổng cộng = 39.971.000 (Ba chín triệu chín trăm bảy mươi nghìn) đồng;

Chia phần:

- Bị cáo Hà Việt A 19.985.500 đồng (Mười chín triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm) đồng, trừ số tiền đã nộp 7.000.000 (Bảy triệu) đồng, còn phải bồi thường tiếp 12.985.000 (Mười hai triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm) đồng; Bà Trịnh Thị Hòa (Mẹ bị cáo) có nghĩa vụ thực hiện phần bồi thường của bị cáo Hà Việt A .

- Tống Văn N 19.985.500 đồng (Mười chín triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn) đồng, đã tự nguyện bồi thường xong 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Trả cho anh Trịnh Văn Đ số tiền 7.000.000 (Bảy triệu) của gia đình Hà Việt A đã nộp vào tài khoản 39490105419600000 tại Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa, của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bị hại và người có quyền lợi liên quan có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo không thi hành nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng phải chịu mức lãi suất cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều

468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền phải thi hành.

Về xử lý tang vật: Áp dụng điểm a và b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tiếp tục qui trừ các tài sản của các bị cáo để đảm bảo thi hành án gồm:

- Nguyễn Văn H 01 điện thoại Nokia số IMEI 354569052459050, lắp 01 sim Vinaphone số 0944.609.361 số seri sim 898402000010749034757;

- Hà Quang L 01 điện thoại Nokia - 105 màu xanh D số IMEI 3534407097611735 và 358567088033739, lắp 01 sim Vinaphone số 0947.019.327;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước của Trịnh Tuấn A 01 Xe máy Honda Dream, BKS: 36H2 - 5104;

Trả cho Trịnh Tuấn A 01 điện thoại Iphone 5S màu trắng, số IMEI 358808052908070;

- Trả cho anh Nguyễn Văn G 01 Xe máy Honda Wave RSX màu đỏ đen, BKS: 54X3 - 4499;

Tịch thu các vật chứng để tiêu hủy gồm:

- 01 đôi dép màu xanh; 01 (một) mẫu đầu lọc tàn thuốc lá;

- 01 khẩu súng ngắn màu đen, đã cũ, nòng súng dài 19cm; báng súng dài 11cm; Súng có ký hiệu số: No 871072 có gắn hộp tiếp đạn dài 12,5cm, rộng 3,5cm, bên trong hộp tiếp đạn có 04 viên bi bằng kim loại màu trắng sáng;

- 01 túi bằng da màu đen (loại túi một quai), quai túi làm bằng vải dù màu đen, trên miệng nắp túi có in chìm dòng chữ “Jeep - Buluo”

- 01 đôi giày vải màu đen;

- 01 Quần Soóc (dạng quần bò) màu xanh;

- 01 giá để chân phía sau bên trái của xe máy Honda Dream, BKS: 36H2 – 5104;

- 01 đoạn gậy gỗ hình trụ tròn dài 77,5cm; đường kính của khúc gỗ, một đầu là 4cm và một đầu là 3cm;

- (01) con dao tự chế, có cán cầm bằng ống tuýp sắt dài 13cm, dao có 02 lưỡi sắc, chỗ rộng nhất của lưỡi dao là 5cm;

- (01) con dao tự chế, có cán cầm bằng gỗ dài 21 cm, chỗ rộng nhất của lưỡi dao là 7cm;

- (01) con dao tự chế, có cán cầm bằng gỗ dài 12 cm, chỗ rộng nhất của lưỡi dao là 5cm, bề mặt dao bị rỉ sét;

- 01 (một) kiếm tự chế, cán được quấn bằng dính màu đen, chiều dài cán 30cm, lưỡi kiếm có một lưỡi sắc, chỗ rộng nhất của lưỡi kiếm là 4cm.

Các vật chứng, đồ vật trên được chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo Biên bản giao nhận vật chứng số: TV/2019/16 ngày 26 - 11 - 2018.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Phạm Xuân Q, Nguyễn Văn H, Hà Quang L, Hà Việt A , Trịnh Tuấn A và Tống Văn N mỗi bị cáo phải chịu án phí HSST 200.000 đồng; Bị cáo L chịu án phí dân sự 5.035.000 đồng, bị cáo Q phải chịu án phí dân sự 2.190.000

đồng, bị cáo H phải chịu án phí dân sự 2.140.000 đồng, Bà Trịnh Thị H1 (Mẹ bị cáo Hà Việt A) phải chịu án phí dân sự 645.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, đại diện của bị cáo, các bị hại, đại diện của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Các bị cáo, đại diện của bị cáo, các bị hại, đại diện của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo; Bị hại; Người LQ
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Quốc Văn